

I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây thể hiện rõ nhất LB Nga là một đất nước rộng lớn?

- A. Nằm ở cả châu Á và châu Âu.
- B. Đất nước trải dài trên 11 múi giờ.**
- C. Giáp với Bắc Băng Dương và nhiều nước châu Âu.
- D. Có nhiều kiểu khí hậu khác nhau.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây đúng với phần phía Tây của LB Nga?

- A. Đại bộ phận là đồng bằng và vùng trũng.**
- B. Phần lớn là núi và cao nguyên.
- C. Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.
- D. Có trữ năng thủy điện lớn.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây là không đúng với phần phía Đông của LB Nga?

- A. Phần lớn là núi và cao nguyên.
- B. Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.
- C. Có trữ năng thủy điện lớn.
- D. Có đồng bằng Đông Âu tương đối cao.**

Câu 4. Dãy núi làm ranh giới tự nhiên giữa 2 châu lục Á-Âu trên lãnh thổ LB Nga là dãy

- A. Cáp-ca.
- B. U-ran.**
- C. A-pa-lat.
- D. Hi-ma-lay-a.

Câu 5. Các loại khoáng sản của LB Nga có trữ lượng lớn đứng đầu thế giới là:

- A. Dầu mỏ, than đá.
- B. Quặng kali, quặng sắt, khí tự nhiên.**
- C. Khí tự nhiên, than đá.
- D. Quặng sắt, dầu mỏ.

Câu 6. Dòng sông làm ranh giới để chia LB Nga làm 2 phần phía Tây và phía Đông là

- A. Sông Ê-nít-xây.**
- B. Sông Von-ga.
- C. Sông Ô-bi.
- D. Sông Lê-na.

Câu 7. Rừng ở LB Nga chủ yếu là rừng lá kim vì đại bộ phận lãnh thổ

- A. Nằm trong vành đai ôn đới.**
- B. Là đồng bằng.
- C. Là cao nguyên.
- D. Là đầm lầy.

Câu 8. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội của LB Nga là

- A. Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên.
- B. Nhiều vùng rộng lớn có khí hậu băng giá hoặc khô hạn.**
- C. Hơn 80% lãnh thổ nằm ở vành đai khí hậu ôn đới.
- D. Giáp với Bắc Băng Dương.

Câu 9. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ Nga là một cường quốc khoa học?

- A. Có nhiều công trình kiến trúc, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị.
- B. Có nhiều nhà văn hào lớn như A.X.Puskin, M.A. Sô-lô-khốp...
- C. Là quốc gia đứng hàng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản.**
- D. Người dân có trình độ học vấn khá cao, tỉ lệ biết chữ 99%.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

Năm	1991	1995	2000	2005	2010	2015
Số dân	148,3	147,8	145,6	143,0	143,2	144,3

Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga giảm 4 triệu người.**
- B. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga tăng thêm 4 triệu người.
- C. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga liên tục giảm.

D. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga liên tục tăng.

Câu 11. Dân số LB Nga giảm là do

A. Gia tăng dân số không thay đổi qua các thời kì.

B. Gia tăng dân số tự nhiên có chỉ số âm và do di cư.

C. Gia tăng dân số tự nhiên thấp.

D. Số trẻ sinh ra hàng năm nhiều hơn số người chết của năm đó.

Câu 12. Biểu hiện cơ bản nhất chứng tỏ LB Nga từng là trụ cột của Liên bang Xô viết là

A. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về diện tích trong Liên Xô.

B. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về dân số trong Liên Xô.

C. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về sản lượng các ngành kinh tế trong Liên Xô.

D. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về số vốn đầu tư trong toàn Liên Xô.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây không đúng với tình hình của LB Nga sau khi Liên bang Xô viết tan rã?

A. Tình hình chính trị, xã hội ổn định.

B. Tốc độ tăng trưởng GDP âm.

C. Sản lượng các ngành kinh tế giảm.

D. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Câu 14. Một trong những thành tựu quan trọng đạt được về kinh tế của LB Nga sau năm 2000 là

A. Sản lượng các ngành kinh tế tăng, dự trữ ngoại tệ đứng đầu thế giới.

B. Thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài, giá trị xuất siêu tăng.

C. Đứng hàng đầu thế giới về sản lượng nông nghiệp.

D. Khôi phục lại được vị thế siêu cường về kinh tế.

Câu 15. Ngành công nghiệp mũi nhọn, hàng năm mang lại nguồn tài chính lớn cho LB Nga là

A. Công nghiệp hàng không – vũ trụ.

B. Công nghiệp luyện kim.

C. Công nghiệp quốc phòng.

D. Công nghiệp khai thác dầu khí.

Câu 16. Các trung tâm công nghiệp truyền thống của LB Nga thường được phân bố ở

A. Đồng bằng Đông Âu, U-ran, Xanh Pê-téc-bua.

B. Đồng bằng Đông Âu, Trung tâm U-ran, Xanh Pê-téc-bua.

C. Đồng bằng Đông Âu, U-ran, Tây Xi-bia.

D. Đồng bằng Đông Âu, Tây Xi-bia, Xanh Pê-téc-bua.

Câu 17. Ý nào sau đây là điều kiện thuận lợi nhất trong sản xuất nông nghiệp của LB Nga?

A. Quỹ đất nông nghiệp lớn.

B. Khí hậu phân hoá đa dạng.

C. Giáp nhiều biển và đại dương.

D. Có nhiều sông, hồ lớn.

Câu 18. Vùng Trung ương có đặc điểm nổi bật là

A. Vùng kinh tế lâu đời, phát triển nhất.

B. Có dải đất đen phì nhiêu, thuận lợi phát triển nông nghiệp.

C. Công nghiệp phát triển, nông nghiệp hạn chế.

D. Phát triển kinh tế để hội nhập vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 19. Vùng U-ran có đặc điểm nổi bật là

A. Công nghiệp và nông nghiệp còn hạn chế.

B. Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, khai thác gỗ.

C. Các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp phát triển.

D. Công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển mạnh.

Câu 20. Ý nào sau đây không đúng với quan hệ Nga-Việt trong bối cảnh quốc tế mới?

A. Quan hệ Nga – Việt là quan hệ truyền thống.

- B. Là đối tác chiến lược vì lợi ích cho cả hai bên.
 C. Hợp tác toàn diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật.

D. Đưa kim ngạch buôn bán hai chiều Nga-Việt đạt mức 1 tỉ USD/năm.

Câu 21. Các cây trồng, vật nuôi của LB Nga được phân bố chủ yếu ở đồng bằng Đông Âu là do:

- A. Đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm quanh năm.
 B. Địa hình thấp, có nhiều sông lớn, đất phù sa màu mỡ.
C. Địa hình tương đối cao, có đồi thấp, đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa.
 D. Địa hình thấp, bằng phẳng, có nhiều mưa vào mùa đông.

Câu 22. Lúa mì được phân bố chủ yếu ở

- A. Các đồng bằng lớn và đồng bằng ven đại dương.
B. Đồng bằng Đông Âu và phía nam của đồng bằng Tây Xi-bia.
 C. Đồng bằng Tây Xi-bia và cao nguyên Trung Xi-bia.
 D. Đồng bằng Đông Âu và hạ lưu các con sông lớn.

Câu 23. Đảo chiếm 61% tổng diện tích đất nước Nhật Bản là

- A. Hô-cai-đô. **B. Hôn-su.**
 C. Xi-cô-cư. D. Kiu-xiu.

Câu 24. Khó khăn lớn nhất về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

- A. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh.
 B. Khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam.
C. Nghèo khoáng sản.
 D. Nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau.

II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 1. Đặc điểm dân cư của Liên Bang Nga có những thuận lợi và khó khăn gì cho việc phát triển kinh tế?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI NHẬT BẢN NĂM 1950 VÀ 2005 (ĐV: %)

Nhóm tuổi	1950	2005
Dưới 15 tuổi	35,4	13,9
Từ 15 – 64 tuổi	59,6	66,9
65 tuổi trở lên	5,0	19,2

- a, Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở Nhật Bản năm 1950 và 2005.
 b, Rút ra nhận xét.

ĐỀ SỐ 2

I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1. Nông nghiệp chỉ giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản là do

- A. Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính.
 B. Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp.
C. Diện tích đất nông nghiệp quá ít.
 D. Nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp có lợi thế hơn sản xuất.

Câu 2. Ý nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ của Nhật Bản?

- A. Chiếm tỉ trọng GDP lớn.
- B. Thương mại và tài chính có vai trò hết sức to lớn.
- C. Nhật Bản đứng hàng đầu thế giới về thương mại.
- D. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ít được coi trọng.

Câu 3. Nhật Bản tập trung vào các ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao là do

- A. Có nguồn lao động dồi dào.
- B. Hạn chế sử dụng nhiều nguyên liệu, lợi nhuận cao.
- C. Không có khả năng nhập khẩu các sản phẩm chất lượng cao.
- D. Có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.

Câu 4. Các loại khoáng sản của LB Nga có trữ lượng lớn đứng đầu thế giới là:

- A. Dầu mỏ, than đá.
- B. Quặng kali, quặng sắt, khí tự nhiên.
- C. Khí tự nhiên, than đá.
- D. Quặng sắt, dầu mỏ.

Câu 5. Dòng sông làm ranh giới để chia LB Nga làm 2 phần phía Tây và phía Đông là

- A. Sông Ê-nít-xây.
- B. Sông Von-ga.
- C. Sông Ô-bi.
- D. Sông Lê-na.

Câu 6. Khó khăn lớn nhất về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

- A. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh.
- B. Khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam.
- C. Nghèo khoáng sản.
- D. Nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau.

Câu 7. Mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết là đặc điểm khí hậu của

- A. Phía bắc Nhật Bản.
- B. Phía nam Nhật Bản.
- C. Khu vực trung tâm Nhật Bản.
- D. Ven biển Nhật Bản.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây thể hiện rõ nhất LB Nga là một đất nước rộng lớn?

- A. Nằm ở cả châu Á và châu Âu.
- B. Đất nước trải dài trên 11 múi giờ.
- C. Giáp với Bắc Băng Dương và nhiều nước châu Âu.
- D. Có nhiều kiểu khí hậu khác nhau.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây đúng với phần phía Tây của LB Nga?

- A. Đại bộ phận là đồng bằng và vùng trũng.
- B. Phần lớn là núi và cao nguyên.
- C. Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.
- D. Có trữ năng thủy điện lớn.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây là không đúng với phần phía Đông của LB Nga?

- A. Phần lớn là núi và cao nguyên.
- B. Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.
- C. Có trữ năng thủy điện lớn.
- D. Có đồng bằng Đông Âu tương đối cao.

Câu 11. Dãy núi làm ranh giới tự nhiên giữa 2 châu lục Á-Âu trên lãnh thổ LB Nga là dãy

- A. Cáp-ca.
- B. U-ran.
- C. A-pa-lat.
- D. Hi-ma-lay-a.

Câu 12. Rừng ở LB Nga chủ yếu là rừng lá kim vì đại bộ phận lãnh thổ

- A. Nằm trong vành đai ôn đới.
- B. Là đồng bằng.
- C. Là cao nguyên.

D. Là đầm lầy.

Câu 13. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội của LB Nga là

A. Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên.

B. Nhiều vùng rộng lớn có khí hậu băng giá hoặc khô hạn.

C. Hơn 80% lãnh thổ nằm ở vành đai khí hậu ôn đới.

D. Giáp với Bắc Băng Dương.

Câu 14. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ Nga là một cường quốc khoa học?

A. Có nhiều công trình kiến trúc, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị.

B. Có nhiều nhà văn hào lớn như A.X.Puskin, M.A. Sô-lô-khốp...

C. Là quốc gia đứng hàng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản.

D. Người dân có trình độ học vấn khá cao, tỉ lệ biết chữ 99%.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 1991-2015 (Đơn vị: triệu người)

Năm	1991	1995	2000	2005	2010	2015
Số dân	148,3	147,8	145,6	143,0	143,2	144,3

Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga giảm 4 triệu người.

B. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga tăng thêm 4 triệu người.

C. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga liên tục giảm.

D. Từ năm 1991 đến năm 2015, dân số LB Nga liên tục tăng.

Câu 16. Dân số LB Nga giảm là do

A. Gia tăng dân số không thay đổi qua các thời kì.

B. Gia tăng dân số tự nhiên có chỉ số âm và do di cư.

C. Gia tăng dân số tự nhiên thấp.

D. Số trẻ sinh ra hàng năm nhiều hơn số người chết của năm đó.

Câu 17. Biểu hiện cơ bản nhất chứng tỏ LB Nga từng là trụ cột của Liên bang Xô viết là

A. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về diện tích trong Liên Xô.

B. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về dân số trong Liên Xô.

C. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về sản lượng các ngành kinh tế trong Liên Xô.

D. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về số vốn đầu tư trong toàn Liên Xô.

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây không đúng với tình hình của LB Nga sau khi Liên bang Xô viết tan rã?

A. Tình hình chính trị, xã hội ổn định.

B. Tốc độ tăng trưởng GDP âm.

C. Sản lượng các ngành kinh tế giảm.

D. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Câu 19. Các trung tâm công nghiệp truyền thống của LB Nga thường được phân bố ở

A. Đồng bằng Đông Âu, U-ran, Xanh Pê-téc-bua.

B. Đồng bằng Đông Âu, Trung tâm U-ran, Xanh Pê-téc-bua.

C. Đồng bằng Đông Âu, U-ran, Tây Xi-bia.

D. Đồng bằng Đông Âu, Tây Xi-bia, Xanh Pê-téc-bua.

Câu 20. Ý nào sau đây là điều kiện thuận lợi nhất trong sản xuất nông nghiệp của LB Nga?

A. Quỹ đất nông nghiệp lớn.

B. Khí hậu phân hoá đa dạng.

C. Giáp nhiều biển và đại dương.

D. Có nhiều sông, hồ lớn.

Câu 21. Ý nào sau đây không đúng với quan hệ Nga-Việt trong bối cảnh quốc tế mới?

A. Quan hệ Nga –Việt là quan hệ truyền thống.

- B. Là đối tác chiến lược vì lợi ích cho cả hai bên.
 C. Hợp tác toàn diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật.

D. Đưa kim ngạch buôn bán hai chiều Nga-Việt đạt mức 1 tỉ USD/năm.

Câu 22. Các cây trồng, vật nuôi của LB Nga được phân bố chủ yếu ở đồng bằng Đông Âu là do:

- A. Đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm quanh năm.
 B. Địa hình thấp, có nhiều sông lớn, đất phù sa màu mỡ.
C. Địa hình tương đối cao, có đồi thấp, đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa.
 D. Địa hình thấp, bằng phẳng, có nhiều mưa vào mùa đông.

Câu 23. Lúa mì ở LB Nga được phân bố chủ yếu ở

- A. Các đồng bằng lớn và đồng bằng ven đại dương.
B. Đồng bằng Đông Âu và phía nam của đồng bằng Tây Xi-bia.
 C. Đồng bằng Tây Xi-bia và cao nguyên Trung Xi-bia.
 D. Đồng bằng Đông Âu và hạ lưu các con sông lớn.

Câu 24. Đảo chiếm 61% tổng diện tích đất nước Nhật Bản là

- A. Hô-cai-đô. **B. Hôn-su.**
 C. Xi-cô-cư. D. Kiu-xiu.

II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 1.

Sự phát triển kinh tế Nhật Bản với tốc độ tăng trưởng rất cao trong giai đoạn 1950 - 1973 là do nguyên nhân nào?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG GDP TRUNG BÌNH NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 1950-1973 (ĐV: %)

Giai đoạn	1950-1954	1955-1959	1960-1964	1964-1969	1970-1973
Tăng GDP	18,8	13,1	15,6	13,7	7,8

- a, Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng GDP trung bình Nhật Bản giai đoạn 1950-1973.
 b, Rút ra nhận xét

ĐỀ SỐ 3

I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1. Ý nào sau đây không đúng với khí hậu của Nhật Bản?

- A. Lượng mưa tương đối cao.
 B. Thay đổi từ bắc xuống nam.
 C. Có sự khác nhau theo mùa.
D. Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 2. Mùa đông đỡ lạnh, mùa hạ đỡ nóng, thường có mưa to và bão là đặc điểm khí hậu của

- A. Đảo Hô-cai-đô.
B. Đảo Kiu-xiu.
 C. Đảo Hôn-su.
 D. Các đảo nhỏ phía bắc Nhật Bản.

Câu 3. Trừ ngành dệt truyền thống, tất cả các ngành công nghiệp nổi tiếng của Nhật Bản đều hướng vào

- A. Tận dụng tối đa sức lao động.
 B. Tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước.
C. Kỹ thuật cao.
 D. Tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước.

Câu 4. Công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở phía nam đảo Hôn-su, ven Thái Bình Dương vì

- A. Ở đây có khí hậu lạnh, dễ bảo quản sản phẩm.
B. Tiện cho việc nhập nguyên liệu và trao đổi sản phẩm với các nước.
 C. Tập trung nguồn khoáng sản dồi dào.
 D. Thuận lợi cho việc trao đổi sản phẩm với các nước châu Á đất liền.
- Câu 5. Ý nào sau đây không đúng về đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?**

- A. Diện tích rộng nhất, số dân đông nhất.
B. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế.
 C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.
 D. Các trung tâm công nghiệp rất lớn tập trung ở phần phía nam.

Câu 6. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Kiu-xiu là

- A. Phát triển mạnh khai thác than và luyện thép.**
 B. Phát triển mạnh khai thác quặng đồng và luyện kim màu.
 C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.
 D. Có thành phố lớn là Ô-xa-ca và Cô-bê.

Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm

Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2004	2010	2015
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	565,7	769,8	624,8
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	454,5	692,4	648,3
Cán cân thương mại	52,2	107,2	99,7	111,2	77,4	-23,5

Dựa vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi từ 7-8:

Câu 7. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ miền.
C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ kết hợp (cột, đường).

Câu 8. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là

- A. Biểu đồ tròn. **B. Biểu đồ miền.**
 C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ kết hợp (cột, đường).

Câu 9. Tỷ trọng xuất và nhập khẩu của Nhật Bản năm 2015 là

- A. 49,1% và 50,9%.** B. 55,0% và 45,0%.
 C. 52,6% và 47,4%. D. 55,8% và 44,2%.

Câu 10. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Nhật Bản là

- A. Lúa mì, dầu mỏ, quặng.
B. Sản phẩm nông nghiệp, năng lượng, nguyên liệu công nghiệp.
 C. Lúa mì, lúa gạo, hải sản.
 D. Sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp, sản phẩm công nghiệp.

Câu 11. Các loại khoáng sản có trữ lượng đáng kể hơn cả của Nhật Bản là

- A. Dầu mỏ và khí đốt. B. Sắt và mangan.
C. Than đá và đồng. D. Bôxít và apatit.

Câu 12. Ý nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương của LB Nga?

- A. Giá trị xuất khẩu luôn cân bằng với giá trị nhập khẩu.
 B. Hàng xuất khẩu chính là thủy sản, hàng công nghiệp nhẹ.
 C. Hàng nhập khẩu chính là dầu mỏ, khí đốt.
D. Tổng kim ngạch ngoại thương liên tục tăng.

Câu 12. Vùng Trung tâm đất đen có đặc điểm nổi bật là

- A. Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản.
- B. Có dải đất đen phì nhiêu, thuận lợi phát triển nông nghiệp.
- C. Tập trung nhiều ngành công nghiệp; sản lượng lương thực lớn.
- D. Công nghiệp khai thác kim loại màu, luyện kim, cơ khí phát triển.

Câu 13. Một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho GDP của LB Nga giảm trong giai đoạn 1990 – 2000 là

- A. Tốc độ gia tăng dân số giảm và có chỉ số âm.
- B. Xung đột và nội chiến kéo dài.
- C. Khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP âm.

Câu 14. Vùng Viễn Đông có đặc điểm nổi bật là

- A. Vùng kinh tế có sản lượng lương thực, thực phẩm lớn.
- B. Có dải đất đen phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.
- C. Phát triển đóng tàu, cơ khí, đánh bắt và chế biến hải sản.
- D. Các ngành luyện kim, cơ khí, khai thác và chế biến dầu khí phát triển.

Câu 15. Nguyên nhân cơ bản làm cho GDP của LB Nga tăng nhanh trong giai đoạn 2000 – 2015 là do

- A. LB Nga thực hiện chiến lược kinh tế mới.
- B. Thoát khỏi sự bao vây, cấm vận về kinh tế.
- C. Có nguồn tài nguyên phong phú, lực lượng lao động trình độ cao.
- D. Huy động được nguồn vốn đầu tư lớn từ bên ngoài.

Câu 16. Bốn đảo lớn của Nhật Bản xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích là

- A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.
- B. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.
- C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư.
- D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

Câu 17. Nhận xét không đúng về một số đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản là

- A. Vùng biển Nhật Bản có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.
- B. Nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, ít mưa.
- C. Phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam có khí hậu cận nhiệt.
- D. Có nhiều thiên tai như: động đất, núi lửa, sóng thần, bão.

Câu 18. Nhận xét không chính xác về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

- A. Địa hình chủ yếu là đồi núi.
- B. Đồng bằng nhỏ, hẹp nằm ven biển.
- C. Sông ngòi ngắn và dốc.
- D. Nghèo khoáng sản nhưng than đá có trữ lượng lớn.

Câu 19. Trong thời gian từ 1950 đến 1973, nền kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ cao nhất vào giai đoạn

- A. 1950 - 1954.
- B. 1955 - 1959.
- C. 1960 - 1964.
- D. 1965 - 1973.

Câu 20. Biểu hiện chứng tỏ Nhật Bản là nước có nền công nghiệp phát triển cao là

- A. Sản phẩm công nghiệp đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước.
- B. Hàng năm xuất khẩu nhiều sản phẩm công nghiệp.
- C. Giá trị sản lượng công nghiệp đứng thứ hai thế giới, nhiều ngành công nghiệp có vị trí cao trên thế giới.
- D. Có tới 80% lao động hoạt động trong ngành công nghiệp.

Câu 21. Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản đó là ngành

A. Công nghiệp chế tạo.

B. Công nghiệp sản xuất điện tử,

C. Công nghiệp công nghiệp xây dựng và công trình công cộng.

D. Công nghiệp dệt, vải các loại, sợi.

Câu 22. Ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 25% sản lượng của thế giới và xuất khẩu 45% số sản phẩm là ra là

A. Tàu biển.

B. Ô tô.

C. Rô bốt (người máy).

D. Sản phẩm tin học.

Câu 23. Mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết là đặc điểm khí hậu của

A. Phía bắc Nhật Bản.

B. Phía nam Nhật Bản.

C. Khu vực trung tâm Nhật Bản.

D. Ven biển Nhật Bản.

Câu 24. Tại nơi gặp nhau giữa dòng biển nóng và lạnh của Nhật Bản tạo nên

A. Nhiều dầu mỏ

B. Nhiều ngư trường lớn

C. Nhiều than đá và đồng

D. Nhiều thiên tai

II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 1.

Bằng kiến thức đã học, chứng minh rằng Nhật Bản là quốc gia có nền công nghiệp phát triển cao.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG GDP NHẬT BẢN (ĐV: %)

Năm	1999	2001	2003	2005
Tăng GDP	0,8	0,4	2,7	2,5

a, Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP Nhật Bản giai đoạn 1990-2005.

b, Rút ra nhận xét.
